TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Huê
Ông Nguyễn Thành
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G - sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.
Bà G có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn D - sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.
Ông D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2018 và quá trình giải vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: bà và ông Đỗ Văn D tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H- thành phố Nha Trang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2003 ngày 07/01/2003. Giai đoạn đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không có sự chia sẻ, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, dẫn đến kình cãi thường xuyên, gây tổn thương cho nhau, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần tạo cơ hội cho ông D nhưng vẫn không thể hòa hợp, vì đã mất sự tin tưởng với nhau, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng lớn, nên ông D đã ra ngoài ở riêng, không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc đến ông D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn D.

Về con chung: bà và ông D có 01 con chung là Đỗ Hoàng Y - sinh ngày 10/3/2003, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 11/12/2015, vợ chồng bà và Ngân hàng Thương mại cổ phần A có ký hợp đồng tín dụng VPC.CN.764.101215. Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2018 là 48.499.112 đồng. Bà đồng ý trả số nợ trên khi Ngân hàng Thương mại cổ phần A có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông Đỗ Văn D đến Tòa án làm việc, nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Đỗ Văn D; về con chung: có 01 con chung là Đỗ Hoàng Y - sinh ngày 10/3/2003, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2018 là 48.499.112 đồng, bà đồng ý trả số nợ trên khi Ngân hàng Thương mại cổ phần A có yêu cầu. Bị đơn ông Đỗ Văn D vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G xin ly hôn với ông Đỗ Văn D. Về con chung: Giao cháu Y cho bà G trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: bà G và ông D tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Tách phần nợ chung giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Văn D giải quyết thành một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu. Về án phí: Bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Văn D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn D tự nguyện yêu thương nhau về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường H- thành phố Nha Trang, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2003 ngày 07/01/2003 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà G là do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không có sự đồng cảm, chia sẻ, chăm sóc, quan tâm đến nhau, thường xuyên kình cãi, gây tổn thương cho nhau, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng áp lực, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà G và ông D ngày càng có những khoảng cách càng lớn vì đã mất sự tin tưởng với nhau, ông D đã ra ngoài ở riêng, không còn chung sống với bà từ tháng 5/2018 cho đến nay. Do đó, bà G không còn tình cảm với ông D. Ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông D không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, ông D không còn

quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa bà G và ông D đã có mâu thuẫn dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Đỗ Văn D.

[3]. Về con chung: vợ chồng bà G và ông D có 01 con chung Đỗ Hoàng Y - sinh ngày 10/3/2003. Cháu Y có nguyện vọng được ở với bà G và hiện tại bà G đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y. Bà G có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của bà G phù hợp với pháp luật nên cần để bà G tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Y.

[4]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Theo hồ sơ và các bên đều xác nhận vợ chồng bà G, ông D và Ngân hàng Thương mại cổ phần A có ký hợp đồng tín dụng VPC.CN.764.101215 ngày 11/12/2015. Bà G thừa nhận vợ chồng bà hiện còn nợ số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2018 là 48.499.112 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này, nên Hội đồng xét xử sẽ tách giải quyết thành một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng Thương mại cổ phần A có yêu cầu.

[6]. Về án phí: Bà G phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Đỗ Văn D.

[2]. Về con chung: Giao con chung Đỗ Hoàng Y - sinh ngày 10/3/2003, cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Đỗ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đỗ Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà G, ông D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Tách phần nợ chung giữa hàng Thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị G, ông Đỗ Văn D giải quyết thành một vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà bà G đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018820 ngày 13/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; bà G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Ủy ban nhân dân phường H- TP. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.